

# **GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM, GIÀNH TOÀN VẬN LÃNH THỔ TỔ QUỐC (1973 - 1975)**

Chiến thắng Phước Long đánh dấu một bước suy sụp mới của quân ngụy. Đội quân này không còn khả năng giải toả với quy mô lớn để chiếm lại các vùng, các căn cứ và thị xã quan trọng bị ta đánh chiếm, ngay cả trên tuyến phòng thủ vành ngoài Sài Gòn - Gia Định. Nó còn chứng tỏ Mỹ không có khả năng can thiệp trở lại bằng quân sự vào miền Nam, khi người phát ngôn của Nhà Trắng tuyên bố: "Tổng thống Pho không có ý vi phạm những điều cấm chỉ (của Quốc hội) về việc sử dụng lực lượng quân sự Hoa Kỳ tại Việt Nam" . Chiến thắng Phước Long cũng cho ta thấy: Nếu quân ta đánh mạnh, đánh lớn, chắc chắn địch không có khả năng chống đỡ.

Trong khi đó, tại các vùng giải phóng, cùng với cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương, nhân dân ta ra sức khôi phục và phát triển sản xuất, tăng thêm nguồn dự trữ cho tiền tuyến. Riêng nhân dân Khu IX (miền Tây Nam Bộ), trong năm 1973 đã đóng góp 1,7 triệu gia lúa (tương đương 34.000 tấn) và 6 tháng đầu năm 1974 đóng góp được 2,4 triệu gia (48.000 tấn). Các ngành sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp và các hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế... cũng được đẩy mạnh.

Trong khi thế và lực của cách mạng miền Nam đang phát triển đi lên, tại hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa, nhân dân ta hăng hái lao động và công tác, nhanh chóng khắc phục hậu quả nặng nề do chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ gây ra. Chỉ sau 2 năm (1973 - 1974), hầu hết các cơ sở kinh tế, các hệ thống thủy nông, giao thông vận tải, các công trình văn hoá, giáo dục, y tế... đã được khôi phục và phát triển. Tổng sản phẩm xã hội năm 1973 cao hơn năm 1965 và năm 1974 cao hơn năm 1973 là 12,4%. Sản lượng lúa năm 1973 đạt khoảng 5 triệu tấn; đến năm 1974, dù bị thiệt hại do thiên tai gây ra, sản lượng lúa vẫn đạt 4,8 triệu tấn. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp năm 1974 tăng 15% so với năm 1973. Nhiều bến cảng, tuyến đường được sửa chữa và xây dựng thêm. Đến giữa năm 1973, về cơ bản, chúng ta đã hoàn thành việc tháo gỡ bom mìn, thủy lôi trên biển, trên sông, bảo đảm việc đi lại bình thường.

Tiềm lực mọi mặt của miền Bắc được tăng cường không những có tác dụng ổn định đời sống nhân dân, mà còn là một yếu tố quyết định đảm bảo sự chi viện to lớn và kịp thời cho chiến trường miền Nam và hai nước bạn.

Ngay sau khi Hiệp định Pari được kí kết, Trung ương chủ trương huy động tất cả các ngành, các địa phương thực hiện kế hoạch chi viện

đợt xuất về sức người, sức của cho miền Nam. Đây là đợt động viên nhân, tài, vật lực to lớn không chỉ nhằm giải phóng hoàn toàn miền Nam, mà còn để xây dựng vùng giải phóng và chuẩn bị cho nhiệm vụ tiếp quản vùng giải phóng sau

khi chiến tranh kết thúc. Để bảo đảm cho trận đánh lớn quyết định, một vấn đề hết sức quan trọng là phải xây dựng hệ thống đường giao thông chiến lược có đủ sức vận chuyển lực lượng và các phương tiện chiến tranh.

Trước đây, để chuẩn bị cho "đồng khởi", từ tháng 5-1959, chúng ta đã xây dựng con đường vận tải dọc theo Tây Trường Sơn (Đường mòn Hồ Chí Minh). Con đường ấy ngày càng vươn dài và mở rộng, đem đến các chiến trường miền Nam sự chi viện ngày càng lớn.

Trước khi có Hiệp định Pari (27-1-1973), Đường Hồ Chí Minh hình thành một mạng lưới, tổng cộng chiều dài là 11.230 km, phần lớn là đường quân sự làm gấp 1. phía Đông Trường Sơn, đoạn từ Đường số 9 trở vào chỉ mới đủ sức tải các loại xe nhỏ, nhiều đoạn chưa được nối liền. Phía Tây Trường Sơn, đường đã vươn dài đến Tây Nguyên và Campuchia, nhưng chưa đủ năng lực cho các loại xe tăng, pháo, tên lửa hạng nặng qua lại nhanh.

Ngày 17-11-1973, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 243/TTG về

việc xây dựng, củng cố, mở rộng đường chiến lược Trường Sơn. Đây là một công trình lớn có ý nghĩa về kinh tế và quốc phòng, Nhà nước giao cho quân đội xây dựng toàn bộ. Hàng chục ngàn bộ đội, thanh niên xung phong, công nhân, kĩ sư đã vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ do bom đạn địch, thời tiết, khí hậu gây ra, ngày đêm san đèo, phá núi, chuyển đá đắp đường để xây dựng một hệ thống đường rộng lớn, bảo đảm cho các loại xe vận tải cỡ lớn, các loại xe chiến đấu hạng nặng chạy được hai chiều với tốc độ cao trong bốn mùa. Hệ thống đường chiến lược Trường Sơn dài tới 20.000 km, gồm các hệ thống đường trục dọc, trục ngang, đường vượt khẩu, đường vòng tránh... Đường Trường Sơn "là một chiến công chói lọi trong lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta... là con đường của ý chí quyết thắng, của lòng dũng cảm, của khí phách anh hùng..."

Dọc theo đường chiến lược Đông Trường Sơn là hệ thống 5.000 km đường ống dẫn dầu, kéo dài từ Quảng Trị, qua Tây Nguyên tới Lộc Ninh và một hệ thống đường thông tin liên lạc hữu tuyến đến tận các chiến trường, bảo đảm liên lạc trực tiếp giữa các chiến trường và từ chiến trường với thủ đô Hà Nội.

Thông qua hệ thống đường vận tải chiến lược Trường Sơn, miền Bắc đã chuyển vào chiến trường miền Nam một khối lượng rất lớn về lực lượng chiến đấu và vật chất chiến tranh. Trong 2 năm (1973 - 1974), gần

200.000 bộ đội, hàng vạn thanh niên xung phong, cán bộ chuyên môn, kỹ thuật...miền Bắc được đưa vào miền Nam. Riêng trong 2 tháng đầu năm 1975, miền Bắc đã đưa vào miền Nam 57.000 bộ đội. Đó là không kể hơn 25 vạn tấn vật chất 2 cũng được chuyển vào miền Nam từ cuối năm 1973 đến đầu năm 1975, gồm vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng, xăng dầu, thuốc men, lương thực, thực phẩm. Thế và lực của cách mạng Việt Nam trong những năm sau Hiệp định Pari còn được tạo ra từ trong thắng lợi của cách mạng Lào và Campuchia.

Trước những thắng lợi liên tiếp của các lực lượng cách mạng Lào, đặc biệt là những thắng lợi ở Cánh Đồng Chum – Xiêng Khoảng, Atôpơ - Xaravan - Cao nguyên Bôlôven, Đường 9 - Nam Lào, đế quốc Mỹ và tay sai buộc phải xuống thang chiến tranh, chấp nhận đàm phán với lực lượng cách mạng Lào. Hiệp định Viên Chăn về việc lập lại hoà bình, thực hiện hoà hợp dân tộc ở Lào được kí kết (21-2-1973). Vùng giải phóng Lào chiếm 3/4 đất đai và 1/3 dân số; trong đó có Cao nguyên Bôlôven và Cánh Đồng Chum. Lực lượng cách mạng Campuchia cũng kiểm soát được 90% đất đai và 5,5 triệu trong tổng số 7 triệu dân. Đó là tình hình chưa từng thấy ở Đông Dương, tạo ra những điều kiện rất thuận lợi cho cách mạng ba nước phát triển nhanh chóng. Đó cũng chính là căn cứ xuất phát cho những chủ trương chiến lược của Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra vào cuối năm 1974, đầu năm 1975.

## **II- Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam (từ 4-3 đến 2-5-1975)**

### **1.Chủ trương và kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam**

Từ ngày 30-9 đến 8-10-1974, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp bàn phương án hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam. Sau khi phân tích tình hình, Hội nghị nhận định: "Mĩ đã rút ra khỏi miền Nam thì khó có khả năng nhảy lại miền Nam và dù chúng có thể can thiệp thế nào đi chăng nữa cũng không thể cứu vãn được nguy cơ sụp đổ của chính quyền

Sài Gòn" . Trên cơ sở đó, Bộ Chính trị nhất trí thông qua phương án giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975 - 1976. Kế hoạch chiến lược gồm hai bước:

Bước 1 (1975): Tranh thủ bất ngờ, tiến công lớn và rộng khắp, tạo thời cơ

Bước 2 (1976): Thực hiện Tổng công kích - Tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam.